

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2019

V/v Ly hôn, giao nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Bốn,

Ông Đặng Thế Quế.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, giao nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L. Sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn S. Sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn S kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, Nghệ An vào ngày 05/5/2006. Thời gian đầu chị và anh Sâm sống chung hòa thuận, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do tính tình không hợp nhau, hai bên thường hay xích mích, cãi cọ lẫn nhau, từ đó vợ chồng đã sống ly thân đã lâu. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại nên chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn S.

Chị và anh S có với nhau 03 con chung là Lê Phạm Yên N, sinh ngày 21/ 6 /2006, Lê Phạm Linh S, sinh ngày 06 / 5 /2010, Lê Đăng K, sinh ngày 02 / 2/ 2015. Nếu ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung nợ: Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ cá nhân hay tổ chức nào và cũng không ai nợ vợ chồng.

Anh Lê Văn S là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản Điều 51, 56 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 của UBTVQH năm 2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Lê Văn S.

Về con: Giao con chung cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Văn S.

Về tài sản: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Q, tỉnh Nghệ An, nên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân* : Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, Nghệ An vào ngày 05/5/2006. Xét thấy tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu. Cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Lê Văn S.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn S có với nhau 03 người con chung là Lê Phạm Yên N, sinh ngày 21/ 6 /2006, Lê Phạm Linh S, sinh ngày 06 / 5 /2010, Lê Đăng K, sinh ngày 02 / 2/ 2015. Chị L có nguyện vọng nuôi ba người con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét thấy chị L có việc làm và thu nhập ổn định, các con chung từ trước cho đến nay đều ở với chị L, anh S là người nghiện ma túy, không có điều kiện nuôi con, do vậy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L là hợp lý. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] **Về hôn nhân**: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Lê Văn S.

[2] **Về nuôi con chung**: Giao 03 con chung Lê Phạm Yên N, sinh ngày 21/ 6 /2006, Lê Phạm Linh S, sinh ngày 06 / 5 /2010, Lê Đăng K, sinh ngày 02 / 2/ 2015

cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), kể từ tháng 9 năm 2019, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn S. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] **Về tài sản:** Tòa án không giải quyết.

[4] **Về án phí:** Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số: 0007277, ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao, bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Q;
- THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CỬ TỌA PHIÊN TÒA

VI VĂN BÓN

PHAN THỊ TÂM

ĐÀO VĂN ĐẠT

